

TIẾNG ĐỆM: MỘT YẾU TỐ NGỮ NGHĨA - NGỮ DỤNG CÓ CƯƠNG VỊ TRONG NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT

ĐINH VĂN ĐỨC¹

Abstract: Previously, when referring to linguistic pragmatics, people only thought and thought a lot about syntax with two objects: sentence meaning and utterance meaning. However, in this article, we want to find out whether morphological elements also have semantic and pragmatic values. The simple reason is that the “word” in the utterance is different from the word in the dictionary because: a word only fully reveals its semantic and pragmatic capacity in context activities. This article is an analysis of the “bound morpheme”- a “meaningless morpheme” standing after a free lexical morpheme in the structure of Vietnamese compound words and its semantic functions in usages.

Key words: *Hypotactic slogomorfema, wordform, compound word, linguistic pragmatics, encoding.*

1. Mở đầu

Xưa nay, nói đến dụng học (linguistic pragmatics) người ta chỉ nghĩ và nghĩ nhiều đến địa hạt cú pháp với hai đối tượng là nghĩa của câu (sentence) và nghĩa của phát ngôn (utterance). Tuy nhiên, chúng tôi muốn tìm hiểu xem liệu các yếu tố trong địa hạt từ pháp học có được giá trị nghĩa học, dụng học không. Lí do đơn giản là “từ” trong từ điển và từ trong ngữ lưu (dụng ngôn) có sự khác biệt nào khi tồn tại ở hai trạng thái khác nhau: Chỉ trong hoạt động, từ mới bộc lộ hết năng lực ngữ nghĩa và dụng pháp của nó.

Bài này xin bắt đầu với “tiếng đệm”: Cương vị trong cấu trúc từ ghép tiếng Việt và chức năng nghĩa trong dụng ngôn của nó.

“Tiếng đệm” là tên gọi nôm cái yếu tố phụ “không có nghĩa” đứng sau một thực từ (danh, động, tính), và khi kết hợp với tiếng “thực” thì nó tạo ra (phái sinh) một kết cấu từ ghép có nghĩa riêng (khác với yếu tố đơn đứng trước nó): *Vườn tược, chạy chọt, nhanh nhẩu...* Lâu nay đã có những nghiên cứu hiện tượng này trên phương diện ngữ pháp truyền thống (tiếng, cấu tạo từ, từ loại)². Theo đó, tiếng đệm thường được hiểu là tiếng không có nghĩa, là một yếu tố cấu tạo từ (tựa một hình vị). Tuy nhiên, tiếng đệm và cái tổ hợp của nó trên phương diện dụng ngôn thì hầu như chưa được quan tâm mấy.

Nếu mô tả ngữ pháp tiếng Việt xuất phát từ đơn vị “từ” như truyền thống thì “tiếng đệm” chỉ là một yếu tố phụ trong cấu tạo từ với cương vị ngữ pháp rất hạn chế. Có người chỉ coi yếu tố này như một kiểu hình vị, một dạng phụ tố bên cạnh căn tố như trong ngôn ngữ châu Âu.

Việc coi “tiếng” là đơn vị cơ sở của ngữ pháp tiếng Việt là một đột phá lớn. Nó đã làm thay đổi nhận thức về ngữ pháp tiếng Việt. “Tiếng” quán xuyên tất cả các hiện tượng ngữ pháp của ngôn ngữ

¹ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

² Chỉ tính các tài liệu ngữ pháp từ năm 1940 trở lại đây.

này, từ từ pháp đến cú pháp. Công lao khởi đầu thuộc về Nguyễn Tài Căn [2] và người ủng hộ nhiệt thành là Cao Xuân Hạo [10].

Tiếng đệm, theo đó, liên quan đến nhiều phương diện: từ ghép, từ láy âm và có dụng pháp rất phong phú.

Tiếng đệm cần được đặt trong không gian của “tiếng”. Như chúng ta đã biết “tiếng” có cương vị đặc biệt là do tính lưỡng diện (hay là 2 trong 1 của nó). Một mặt, tiếng có vỏ ngữ âm là một âm tiết (với một nguyên âm là hạt nhân), mặt khác nó lại có thể mang nghĩa hoặc một “giá trị ngữ pháp” (theo cách giải thích về hình vị của L. Bloomfield, 1933). Khả năng mang nghĩa cho phép “tiếng” trở thành từ đơn (nét rất riêng của tiếng Việt và ngôn ngữ đơn lập), còn khả năng thứ hai chính là cái để ta nói về “tiếng đệm”.

Trong phân loại cấu trúc từ ghép, tiếng đệm là tiếng không có nghĩa trên phương diện đồng đại (một vài tiếng đệm xưa có thể có nghĩa, ví dụ trong quan hệ với tiếng Mường: *pheo* trong *tre pheo*, *xống* trong *váy xống*, *cộ* trong *xe cộ*). Vì xung đột đồng nghĩa nên trong tổ hợp *tre pheo*, *váy xống*, *xe cộ*, nên nghĩa của *pheo*, *xống*, *cộ* bị bào mòn, bị “quên” dần đi, đến mức chúng bị coi là “rỗng” nghĩa, không có khả năng để trở thành từ đơn. Mặc dù mô hình tổ hợp của chúng không khác gì *rau cỏ*, *nhà cửa*, *hoa quả*, nhưng mỗi yếu tố trong *rau cỏ*, *nhà cửa*, *hoa quả* thì lại vẫn có thể tồn tại là từ đơn. Vậy nó không có khả năng độc lập để trở thành từ đơn. Nó chỉ có vai phụ trợ trong cấu trúc của từ ghép. Nhưng sự phụ trợ ấy đã cho nó khả năng tạo nghĩa rất độc đáo cho cái tổ hợp phái sinh: Các từ tổng hợp (của thực từ): *vườn tược*, *nói năng*, *nhanh nhẩu*,... cho dù kiểu tổ hợp này chỉ là một phần của thực từ tổng hợp nói chung.

Chúng tôi đã có dịp nói khá kỹ về các thực từ tổng hợp trong từ loại tiếng Việt ở một vài công bố trước đây [7]. Tuy nhiên, bàn đến cương vị của tiếng đệm trong cơ cấu nghĩa của từ ghép thì cũng cần đề cập lại một chút cho chuyện này. Lí do đơn giản là cấu trúc từ ghép có tiếng đệm cũng nằm trong không gian của thực từ tổng hợp, là một bộ phận của kiểu phạm trù từ vựng - ngữ pháp này.

Khái niệm “tổng hợp” được dùng để chỉ một tiểu loại trong từ loại danh từ tiếng Việt, lần đầu tiên được Nguyễn Tài Căn nói đến trong một chuyên luận công bố trong các năm 1960 và 1975 [2]. Tiểu loại này trong danh từ tiếng Việt người ta chỉ nhắc đến chứ chưa ai mô tả kỹ hoặc xem chúng hành chức như thế nào. Theo đó, Nguyễn Tài Căn cho rằng trong những phạm trù từ vựng ngữ pháp của danh từ có một tiểu loại gọi là danh từ tổng hợp. Nó là một kiểu tổ hợp đẳng lập, có tính danh từ với hai thành tố tức là hai “tiếng” đồng loại mang bản chất danh, nhưng cấu trúc song tiết này có ý nghĩa khái quát hơn so với ý nghĩa của các thành tố. Các từ *nhà cửa*, *quần áo*, *vải vóc* là những danh từ tiếng Việt có nghĩa khái quát hơn so với nghĩa của từng thành tố: *Nhà cửa* khái quát hơn so với hai thành tố *nhà* và *cửa* hay là *sách báo* chỉ khái niệm chung cho *sách* và *báo*, còn *quần áo* thì chỉ trang phục nói chung chứ không phải là cái quần, cái áo cụ thể,... Đây là đặc điểm rất riêng của danh từ tổng hợp tiếng Việt.

Xét về chức năng nghĩa, những từ gọi là từ “tổng hợp” không chỉ ra cái “cá thể/đơn nhất” nào đó mà biểu đạt một ý niệm trừu tượng hơn, đó là ý niệm “khái quát” có tính trừu tượng trong tư duy bản ngữ Việt. Khi ta nói *đất đai*, *nói năng*, *buồn bã*,... thì các từ này chỉ ra một ý nghĩa khái quát (có tính phạm trù - Categorical Meaning) nói chung. Chính vì phi đơn nhất nên nghĩa tổng hợp có khả năng có các ý nghĩa ngữ pháp khác đi kèm. Về phương thức cấu tạo các từ tổng hợp thì các nhà Việt ngữ học

thường mô tả chúng như là từ ghép, từ ghép đẳng lập và chính phụ, phần lớn được lập ra theo cách láy hoặc lặp. Nhiều “từ láy” hiện nay, bản chất vốn là từ ghép: *chùa chiền* = *chùa* + *chiền* (= chùa), *hỏi han* = *hỏi* + *han* (= hỏi). Y như *xe cộ*, nhưng cương vị và phân loại hiện nay rất khác nhau. Vì thế, những đơn vị như: *bệ vệ*, *giữ gìn*, *hỗn hào*, *lan man*, *nguy nga*, *quyến luyến*, *tuổi tác*, *tồi tàn*, *tiêu điều*, *tung tích*, *thân thích*, *thân thiết*, *tha thiết*, *thổ lộ*... đều thế. Loại như: *bạn bè*, *càn quét*, *co kéo*, *dàn dựng*, *đền đài*, *gánh gồng*, *học hành*, *kìm kẹp*, *lặn lội*, *mệt mỏi*, *nghe ngóng*, *phổ phưởng*, *quê quán*, *rom rác*, *ruộng rẫy*, *tướng tá* ... thì giống *xe cộ*, *nhà cửa*.

Trong tiếng Việt, phương thức láy và lặp là phương thức chính để cấu tạo từ. Chúng ta chỉ tập trung khảo sát chức năng cú pháp của những tổ hợp sóng đôi có tính cố định, nghĩa là được “từ hoá”. Do tính chất khái quát hoá và trừu tượng, nghĩa của tiểu loại “tổng hợp” cho phép người nói sử dụng nó với công năng ngữ dụng, chỉ ra những sắc thái rất tinh tế trong giao tiếp.

Từ những nhận xét gợi ý đó, chúng tôi dần dần nhận ra rằng, trong từ loại tiếng Việt, không chỉ có danh từ mà ngay cả động từ, tính từ, thậm chí là cả số từ, phương vị từ cũng có khả năng tạo ra những tổ hợp kiểu đó [8]. Ví dụ: với danh từ thì các tổ hợp *quần áo*, *nhà cửa*, *sách báo*, *ruộng đất*, v.v.; động từ thì như *đi đứng*, *ra vào*, *nói năng*, *mời mọc*; tính từ như *xinh đẹp*, *tươi tắn*, *mạnh khoẻ*, *đất đỏ*, v.v.; phương vị từ như *trên dưới*, *trước sau*, *trong ngoài*, *lui tới*, *ra vào*, v.v.; số từ chúng ta cũng thấy có các tổ hợp kiểu *mười lăm*, *dăm ba*, *vài ba*, v.v. Từ những tổ hợp đẳng lập dần có cả những tổ hợp chính phụ cũng tạo ra những từ ghép có ý nghĩa tổng hợp: Đó là sự mở rộng phạm vi các tiểu loại thực từ mang tính chất *tổng hợp*. Các tiểu loại này rất đặc trưng cho từ loại thực từ tiếng Việt. Tuyệt đại bộ phận chúng song tiết và phần lớn một tiếng hay cả hai tiếng đều là thuộc tính thuần Việt, có nghĩa. Cũng nhiều trường hợp kết cấu gồm một tiếng có nghĩa và một tiếng không có nghĩa như *đất đai*, *vườn tược*, *áo xống*, *chợ búa*, *lính tráng*, *xe cộ*,... Tiếng thứ hai thường không có nghĩa, vấn đề này cho đến nay vẫn chưa có sự thống nhất giữa các nhà Việt ngữ học.

2. Tiếng đệm trong từ ghép danh từ

Danh từ tổng hợp là tiểu loại xuất hiện nhiều nhất, rất dễ dàng thành lập các tổ hợp này trong giao tiếp (nhiều đến mức khó đưa vào danh sách các mục từ trong từ điển) nhờ láy hay lặp thành tố để tạo ra kết cấu ghép nghĩa của danh từ. Chúng ta thấy phổ biến là hai kiểu tổ hợp như *sách vở*, *quần áo*, *nhà cửa*, và *ruộng nương*, *vườn tược*, *chợ búa*,... Điều quan trọng về chức năng là chúng được sử dụng tùy theo từng ý muốn của người bản ngữ trong giao tiếp. Người ta theo cái khuôn đó có thể dễ dàng tạo ra các kết cấu tổng hợp kiểu như *sân vườn*, *trường sở*, *ngõ gác*, *đường sá*, *chợ búa*, *cây cối*,... và dùng chúng với một ý định nào đó khi có nhu cầu biểu đạt (khía cạnh dụng ngôn), khi người nói muốn tăng cường lực ngôn trung của câu, gắn nó với ngữ cảnh nhất định.

Trong trường hợp những cấu trúc danh từ tổng hợp có yếu tố thứ hai là tiếng đệm kiểu như *đất đai*, *vườn tược*, *áo xống*,... thì như Nguyễn Tài Căn [2] đã phân tích, nghĩa của *tược* trong *vườn tược* là kết quả của phép trừ từ cái nghĩa của cả kết cấu theo kiểu Y-X (trong đó Y là nghĩa của *vườn tược*, còn X là nghĩa của *vườn*). Đó chỉ là một giá trị ngữ pháp: Tất cả các tiếng đệm trong những cấu trúc tương tự (*xe cộ*, *chợ búa*, *lính tráng*,...) đều chỉ có giá trị ngữ pháp. Tập hợp chúng lại với nhau trên hệ đối vị thì cái giá trị ngữ pháp chung ấy khá giống ý nghĩa của hình vị, hình vị tồn tại trên giá trị ngữ pháp với những biến thể khác nhau (tức Tha hình vị - Alomorphe), cái mà Bloomfield đã quan niệm [6].

Tất cả các danh từ đơn tiết tiếng Việt, đặc biệt là các tiếng thuần Việt, độc lập, có nghĩa, rất dễ cấu tạo danh từ tổng hợp. Những yếu tố không có nghĩa cũng có khả năng được dùng cho tổ hợp này khi cần thiết. Khi dùng từ ghép *phố xá* thì khác với từ *phố*. *Phố* là danh từ cụ thể, còn *phố xá* thì khác. Nói *Phố xá ở đây thật đẹp* thì không phải là nói phố A hay phố B mà người nói muốn nhìn chung, nói đến cảnh quan đô thị. Như vậy, danh từ tổng hợp, khi dùng, bao giờ người nói cũng gắn nó với một nhận xét về sự tình nào đó (ví dụ, *Nhà cửa ở đây thật khang trang, Cây cối trong vườn thưa thớt,...*). Người ta gọi ý nghĩa tổng hợp cũng là một ý nghĩa ngữ pháp.

Sự vật luôn luôn tồn tại dưới dạng các cá thể trong thế giới. Cái chung theo lớp, theo từng loại chỉ có trong sự liên hệ của tư duy bản ngữ, nó là ý nghĩa phạm trù cho nên nó cũng có tính chất chức năng. Về mặt ngữ dụng, nếu xét trên phương diện quy chiếu, thì tiêu loại tổng hợp dù là danh từ, động từ hay tính từ thì sở chỉ của chúng cũng rất đặc biệt. Chúng ta biết, nhờ phép quy chiếu mà chúng ta xác lập được sở chỉ. Trước hết, nói về danh từ, ví dụ, khi nói *ngôi nhà kia* thì cái chiếu vật được chỉ ra bằng ngôn ngữ là rất rõ. Trong danh ngữ *ngôi nhà kia* có một vật cụ thể được xác lập nhờ một biểu thức quy chiếu, biểu thức lại có cả từ trực chỉ (*kia*). Tuy nhiên, với những danh từ tổng hợp thì không thể chỉ ra như vậy, nó chỉ là một “vật thể mờ” (như sự vật ảo) dù cũng được chỉ ra bằng ngôn từ. Ở đây sở chỉ “mờ” vì các khái niệm như *đất đai, vườn tược, áo xống, chợ búa,...* chỉ tồn tại trong ý thức người nói nhờ cách thức phản ánh của người Việt. Đã là sự vật trừu tượng thì kết quả quy chiếu trong ngôn từ (nghĩa của danh từ) cũng trừu tượng. Trên phương diện ngữ dụng, danh từ thường và danh từ tổng hợp được phân biệt rất rõ. Bất kì danh từ thường nào chỉ sự vật (người, động thực vật, đồ đạc,...) đều có biểu thức quy chiếu trực tiếp chỉ ra, nhưng danh từ tổng hợp thì khó hơn, vì cái vật được chỉ ra ấy là trừu tượng, chỉ tồn tại dưới dạng khái niệm. Đi với danh từ tổng hợp có thể dùng các từ chỉ xuất, ví dụ *đất đai này, vườn tược ấy, xe cộ đó,...* Các từ *này, ấy, nọ, kia, khác,...* là từ chỉ xuất vốn dùng để xác định (còn gọi là định từ), nhưng ở đây sự vật là trừu tượng hơn (“mờ”) nên xác định cũng trừu tượng cho cái thực thể “ảo” này. Chúng ta có thể nói: *nhà này và nhà cửa này (bể bộn lắm), sách ấy, báo ấy và sách báo ấy (rất đắt tiền)* thì cũng đều có định từ kèm theo về hình thức, nhưng tính độc lập của ngôn từ trên bậc trừu tượng hoá thì khác nhau.

Số lượng danh từ tổng hợp vốn rất nhiều, vì nó tổ hợp có tính “nửa tự do” (một kiểu từ ghép gần với từ tổ mà người ta gọi bằng thuật ngữ “mot composita”), không thể lập hết danh sách để đưa vào từ điển như với các danh từ cụ thể được. Kết cấu vừa có tính tự do lại vừa có tính cố định của kết cấu danh từ “1 thực + 1 hư” là nét đặc sắc trong ngữ pháp tiếng Việt. Tính cố định là chức năng của “từ”, tổ hợp hai thành tố lại phụ thuộc với nhau nên có xu hướng ít tự do hóa. Dù vậy, tổ hợp chính phụ cho tiêu loại này cũng là tổ hợp mờ. Trường hợp cấu trúc có tiếng đệm thì quan hệ nội bộ giữa chúng cũng rất chặt. Người nói khó có thể tạo lập những thực từ kiểu này một cách dễ dàng. Đây chắc chắn là kiểu từ ghép có mô hình cú pháp điển hình. Khi nói: *Nhà tôi chẳng có mảnh vườn mảnh tược nào cả, hay Tôi chẳng có tác đất tác đai nào cả*, trong ví dụ này các tiếng đệm, vốn không có nghĩa, do áp lực của kết cấu tách tiếng đã biến cái giá trị ngữ pháp thành nghĩa. Đây là những phát ngôn người Việt thường dụng trong lối nói (câu Kiều: *Đã không kể đoái người hoài* hay *Nào người phượng chạ loan chung* là những ví dụ). Tính chất dụng pháp của cấu trúc tách cái tổ hợp này thì dường như chỉ có người bản ngữ mới biết cách dùng đúng chỗ.

Người ta ít khi thấy nhóm loại từ hay các từ chỉ đơn vị xuất hiện trước danh từ tổng hợp, nhưng trong trường hợp đặc biệt là có hiện tượng biến đổi cấu trúc từ (tách đôi nói trên) thì lúc đây có thể có loại từ, chẳng hạn khi nói: *Ở đây chẳng có con gà con què nào cả* trong kết cấu phủ định. Do chỗ sự vật quanh ta cực kì đa dạng, được diễn đạt bằng vô số danh từ cho nên các tiếng đệm xuất hiện sau danh từ khá ngẫu nhiên và không có lí do. Khác với động từ và tính từ, với hai từ loại này, các tiếng đệm thường kết hợp dưới dạng láy âm (*nói năng, chạy chọt, cười cợt, khóc lóc, vui vẻ, buồn bã, nhảm nhí,...*).

Thực ra, đối với tiếng Việt, nếu dùng ngữ pháp truyền thống để phân tích, lí giải các tiếng đệm thì khó, bởi vì xưa nay ngữ pháp bắt đầu từ đơn vị gọi là “từ”. Nếu theo mô hình thành tố trực tiếp của ngữ học miêu tả luận thì sẽ đơn giản hơn, vì cú pháp phân bố luận bắt đầu từ “hình vị” chứ không phải là “từ”. Kết cấu chính phụ (hướng tâm) này rất rõ do tính hạn định của tiếng đệm. Cũng là danh từ tổng hợp nhưng tần suất của kết cấu mang tiếng đệm ít hơn nhiều so với các tổ hợp song tiết đẳng lập. Vì vậy, nếu xét trên phương diện ngữ nghĩa và ngữ dụng thì nó là một tiểu phạm trù từ vựng - ngữ pháp đáng chú ý, một nét ngữ pháp đặc thù của từ loại danh từ tiếng Việt.

3. Tiếng đệm trong từ ghép động từ

Động từ kết hợp với tiếng đệm cũng có khả năng tạo ra tiểu loại “động từ tổng hợp”. Khác với danh từ, tiểu loại này trong động từ ít được nói đến, cho dù việc sử dụng chúng thì rất phổ biến. Chúng ta biết động từ là từ loại chỉ ra các dạng vận động của tất cả những gì được thể hiện bằng danh từ. Trong số đó có loại vận động chỉ ra những hoạt động cụ thể: *ăn, nói, đi, chạy, cắt, chặt,...* là những hành vi rất cụ thể. Ngay cả các trạng thái cũng vậy, đó là một loại hình thái của hoạt động ngược với đứng yên. Trạng thái cũng là một cái gì đó rất cụ thể. Động từ tổng hợp, cũng như danh từ tổng hợp, là tiểu loại thực hiện chức năng trừu tượng hoá, khái quát hoá, trung hoà các dạng hoạt động. Động từ *đi* trong tiếng Việt chỉ ra sự chuyển động của một thực thể, là một động từ chuyển động vốn khá đa dạng về mặt ý nghĩa từ vựng. Khi *đi* kết hợp với một yếu tố có nghĩa khác (hành động, chuyển động, tư thế,...), nó tạo ra các động từ tổng hợp, ví dụ: *đi đứng, đi lại, đi về,...* với cái nghĩa chung hơn, khái quát hơn. Rồi nó còn mở rộng cấu trúc ra nữa, ví như *đi đi đứng đứng, đi đi lại lại, đi đi về về*. Động từ tổng hợp có tiếng đệm chỉ là một mảng của động từ tổng hợp nói chung, nhưng vì có tiếng đệm nên nét nghĩa, cách tổ chức và dụng pháp đã có nét đặc thù.

Việc biến đổi cấu trúc từ trong ngữ lưu thể hiện ý thức nói năng, nhận xét của người nói. Mà nhận xét thì có nhiều dạng do chỗ vận động có nhiều kiểu. Nhu cầu mô tả các lỗi hoạt động của hành vi đòi hỏi ngôn từ phải có thêm các dạng đáp ứng. Ý nghĩa “tổng hợp” cũng theo đó mà xuất hiện. Xét về mặt kết cấu, dạng thức “tổng hợp” ở động từ có khác so với danh từ. Danh từ tổng hợp, như đã nói, có dạng láy âm nhưng ít (*đất đai, gậy gộc, chùa chiền,...*) trong khi đó động từ tổng hợp có dạng láy âm khá phổ biến. Điều này liên quan đến nghĩa. Danh từ tổng hợp thường bảo lưu được nghĩa gốc: *áo xống, chợ búa, vườn tược*, tức là vẫn giữ cái nghĩa của yếu tố thứ nhất, còn động từ khi tạo ra cấu trúc mới thì nghĩa có bị phân tán rồi. Không tự do như danh từ trong tìm kiếm tiếng đệm, động từ dùng ngay phép láy để thực hiện cái nghĩa mới: *cười cợt, chạy vạy, nhảm nhí,...* có lúc chấp nhận cả hai tiếng đều không có nghĩa: *láng cháng, lái nhái, ngo ngoe,...*

Những dạng thức tổng hợp có động từ thì tiếng đệm chính là yếu tố mang lại màu sắc ngữ dụng trong khi từ ghép thể hiện vị ngữ. Các động từ tổng hợp trong tiếng Việt cũng có khả năng xuất hiện

rất nhiều, nó làm cho ngữ nghĩa vị ngữ thêm đa dạng, phong phú trên bình diện chức năng. Điều này dẫn đến nét đặc sắc của vị ngữ trong câu, bởi vì động từ vị ngữ là hạt nhân chủ yếu biểu đạt sự tình. Không gian nghĩa, mà động từ tổng hợp làm trung tâm cũng được mở ra theo các vai của nhóm động từ này. Khả năng sở hữu bổ ngữ ở tiểu loại tổng hợp có giảm đi, phần lớn là động từ thuộc nhóm nội động (*nói năng, kêu ca, chạy chọt*). Ở đây do hành động trừu tượng hơn nên “diễn tiến” cũng mờ hơn, khi “thể” mờ thì “thời” cũng mờ. Cách tri nhận của người bản ngữ trong trường hợp này không còn đặt trọng tâm vào “thời - thể” của động từ vị ngữ nữa. Ý nghĩa tổng hợp trong trường hợp này thiên hơn vào sắc thái miêu tả. Động từ và cái sần diễn của nó cũng thay đổi, khác cái sần diễn trị của Tesniere mô tả cho động từ thường.

Vị ngữ động từ tổng hợp thể hiện các quan hệ (như khẳng định, phủ định, hỏi han, cầu khiến) khi diễn đạt các sự tình thì ngôn trung có khác nhau và tiếng đệm chính là yếu tố tạo nghĩa chỉ ra các nét đặc thù. Người nói khi sử dụng động từ tổng hợp làm vị ngữ thường ý thức về một sự nhận định nào đó, chứ không chỉ tường thuật một cách khách quan, nhất là khi dùng dạng mở rộng cấu trúc láy âm, ví dụ *Việc này khiến tôi phải nói nói năng năng đến mệt*. Việc mở rộng này tăng cường hiệu lực của lời khá rõ.

Cơ chế tạo nghĩa sản sinh đối với động từ tổng hợp có khác với ở danh từ. Động từ tổng hợp khi nhân lên cái nghĩa so với động từ thường dễ được coi là một từ phái sinh. Trong từ điển tiếng Việt, danh sách động từ tổng hợp là dạng phái sinh có mật độ cao hơn trong ghi danh. Nó giúp ích cho người học tiếng Việt như một ngoại ngữ, và tăng cường khía cạnh dụng pháp trong tổ chức câu nói. Từ loại tiếng Việt có nhìn từ phương diện chức năng thì mới nhận ra được điều này. Khi thiết lập một ngữ đoạn động từ cho động từ thường rất dễ, nhưng với động từ tổng hợp thì khả năng mở rộng ngữ đoạn có khó hơn. Chu cảnh của nó bị hạn chế so với động từ thường. Việc mở rộng thành động ngữ nhóm này vẫn có thể tiếp nhận “thì”, “thể” nhưng riêng chu tố thì không được tự do, phong phú như ở các động từ thường.

4. Tiếng đệm trong từ ghép tính từ

Như chúng ta đã biết, tính từ là từ loại thực từ chỉ ra các loại đặc trưng: đầu tiên là các đặc trưng của các sự vật, vì các sự vật tồn tại rất đa dạng, nó có thể có màu sắc, nó có thể có kích thước, nó có thể có hình thể và nó có thể có số lượng, v.v. Nhưng, riêng trong tiếng Việt, thì tính từ ngoài chức năng chỉ ra đặc trưng của những gì thể hiện bằng danh từ còn chỉ ra đặc trưng của tất cả các dạng vận động thể hiện bằng động từ. Điều này khiến cho tính từ tiếng Việt ôm gọn cả chức năng ngữ pháp của trạng từ (adverb) trong ngôn ngữ biến tố. Lúc đó nó trở thành một thứ phụ ngữ thường dùng của động từ, người ta gọi nó là trạng tố (hay gia ngữ) [6]. Chúng ta thấy tính từ đi với danh từ là đương nhiên, còn khi đi với động từ thì các ngữ đoạn kiểu như *đi nhanh, hát hay, học giỏi*,... chỉ có trong các ngôn ngữ đơn lập. Chức năng ngữ pháp lớn nhất của tính từ trong tiếng Việt, do đó, đầu tiên phải là làm định ngữ/ định tố, chức năng thứ hai là gia ngữ, chức năng thứ ba mới là vị ngữ. Gần đây nhiều người gọi tính từ là vị từ vì đứng trong cách nhìn của ngữ pháp chức năng mà xét, chứ không phải trên phương diện từ loại như thường thấy. Giải thích việc tính từ tiếng Việt gần với động từ trong chức vụ vị ngữ của câu chúng tôi đã có dịp lí giải ở một vài tài liệu khác, xin không nói thêm ở đây [6], [7].

Do tính năng chuyên biểu đạt các đặc trưng cho nên tính từ là từ loại gần với người nói trong việc thể hiện thái độ, nhận xét, đánh giá. Danh từ và động từ thể hiện những gì tồn tại và thực hiện trong

khách thể. Tuy nhiên, các đặc trưng thì còn có cả màu sắc chủ quan theo cách tri nhận của người bản ngữ. Theo đó, người nói có thể đưa nhận xét và bình phẩm sự tình bằng cách dùng tính từ. Ví dụ người Việt khi nói tới *màu xanh* thì cũng có thể nhận xét: *xanh lè, xanh rớt, xanh xao,...*; *màu đỏ* cũng có thể nói: *đỏ loe, đỏ loét, đỏ lòm, đỏ đần,...*; *vàng* thì cũng có thể nói: *vàng rực, vàng vọt, vàng khè,...* hay còn nói: *ngắn ngủn, dài ngoẵng, vuông vức, tròn trịa, méo mó, cong queo, vắng vẻ, nhiều nhận,...* Qua đó chúng ta thấy ý nghĩa tính từ bên cạnh việc miêu tả còn có quan hệ với bình diện dụng pháp. Tính từ là công cụ rất tốt của dụng pháp khi bình phẩm. Tuy nhiên, nếu thêm vào một tiếng đệm/phụ thì dường như người Việt đã có thêm một nhấn mạnh trong nhận xét (đó là dấu hiệu của tình thái tính): *đỏ ối, trắng tinh, xanh lè,...* mạnh hơn so với *đỏ, trắng, xanh*. Trên bậc trừu tượng hóa người ta đã có một quy chiếu có tính ước lệ đối với sở chỉ. Sự kết ước trong cộng đồng dần mặc định dạng này tồn tại như một quy tắc ngữ pháp về từ (ở đây là tính từ).

Việc mở rộng cấu trúc tính từ trước hết đã tạo ra những tính từ đa tiết. Những tính từ tổng hợp dạng song tiết là phổ biến nhất như *nhẹ nhàng, xinh xắn, thơm phức, méo mó, ngắn ngủn, v.v.* Điều này khác với danh từ. Danh từ tổng hợp, như chúng tôi đã nói, có ý nghĩa khái quát hơn, trừu tượng hơn, ví dụ như *nhà* và *nhà cửa, đất* và *đất đai, áo* và *áo quần, vườn* và *vườn tược*. Nhưng tính từ một khi mở rộng cấu trúc theo kiểu tổng hợp như vậy thì đa phần chúng thêm vào các tiếng đệm không có nghĩa như *ối* trong *đỏ ối, lè* trong *xanh lè, phau* trong *trắng phau, đui* trong *đen đui, v.v.* Thêm tiếng đệm vào như vậy, tính từ không khái quát hơn, như ở danh từ tổng hợp, mà ngược lại, nó mô tả cụ thể hơn, kèm theo nhận xét của người nói. Ở đây ngoại diên đã bù đắp cho nội hàm được đầy đủ hơn, chi tiết hơn. Nhưng nói như thế cũng chưa đủ, vì ở dạng lặp thì tính từ tổng hợp vẫn có tính khái quát. Ta thấy các tính từ lặp kiểu như *xanh xanh, đỏ đỏ, nặng nặng, lành lành, nhẹ nhẹ, cao cao...* thì nghĩa cũng có trở nên trừu tượng hơn. Tính từ ở dạng này thì nghĩa của nó chủ yếu thiên gây ấn tượng trong nhận xét. Ở đây người nói rất có ý thức về dụng pháp cả dạng ấn tượng đó. Câu trong *Chinh phụ ngâm khúc*:

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.*

Tính từ *xanh* xuất hiện với hai biến thể, thứ nhất là ấn tượng *xanh xanh*, thứ hai là mô tả *xanh ngắt*. Hai từ *xanh* chỉ ra hai cách tri nhận. Và người bản ngữ mới biết rõ về điều ấy. Cái điều thể hiện ý định chủ quan của người nói trong dụng ngôn. Trong chức năng vị ngữ thì dạng tính từ song tiết là nhiều nhất. Tuy nhiên, đôi khi cũng có cả dạng mở rộng cấu trúc theo lối ba hoặc lối bốn, ví dụ như *sát sàn sạt, sạch sành sanh, khít khìn khít,...*, riêng cấu trúc mở rộng lối bốn như *đùng đà đùng đình, vuông vuông tròn tròn, ít ít nhiều nhiều, xanh xanh đỏ đỏ,...* thường gắn với vị ngữ nhiều hơn. Dạng tính từ song tiết không phải chỉ có một biến thể mà có nhiều biến thể khác nhau. Chúng ta thấy *đen* là một tính từ chỉ màu sắc trong bảng màu Việt, nhưng bên cạnh đó còn có các dạng: *đen đui, đen nhánh, đen kịt, đen thui, đen ngòm v.v.* *Xanh* cũng thế: *xanh lè, xanh lét, xanh le, xanh xao, xanh biếc, xanh lơ,...* Đó là một loại yếu tố mô tả đặc trưng có tính ngữ dụng rất quan trọng. Ở đây không phải là một khả năng, hai khả năng mà có ba bốn khả năng mở rộng cấu trúc khác nhau: *cần* thì có *cần cộc, cần cỗi*; *vội* thì có *vội vã, vội vàng*; *ám* có *ám áp, ám cúng*; *bạc* thì có *bạc bẽ, bạc phếch bạc phơ, bận* thì *bận bịu, bận rộn*; *bé* thì *bé tí,*

bé tẹo, bé bỏng; chậm thì chậm chạp, chậm rì, chậm rãi, v.v. Nhiều tính từ có rất nhiều khả năng như từ *lạnh* có: *lạnh lẽo, lạnh lùng, lạnh buốt, lạnh tanh, lạnh toát, lạnh nhạt,...*

Để tăng cường hiệu lực của lời trong việc dùng tính từ tổng hợp, tiếng đệm có khả năng lặp nhằm biểu đạt sự nhấn mạnh trong mô tả: *nặng trình trịch, dai nhanh nhách, cao lêu nghêu, đở lòm lòm,...* Ở đây, chúng ta thấy những từ kiểu mở rộng giúp người ta dễ nhận xét, ví như tính từ *xa* (giúp hình dung khoảng cách) thì nói *xa lắc xa lơ, xa tít xa tấp*. Khi nói *xanh lè* thì mô tả này chỉ ra đối tượng là rất xanh nhưng *xanh lè* còn nhận xét có ý chê bai (*Chuối này xanh lè thì ăn sao được*). Tính từ dùng trong trường hợp này đã gây ra hiệu ứng tâm lí đối với người nghe.

Khả năng mở rộng/tách từ ghép tính từ cũng nằm trong khả năng biến đổi cấu trúc của từ trong ngữ lưu tiếng Việt nói chung. Biến đổi cấu trúc từ trong tiếng Việt không phải là biến đổi theo kiểu ngôn ngữ Âu châu, nơi từ biến đổi hình thái ngữ pháp để diễn đạt những khía cạnh ngữ pháp đối lập của các phạm trù ngữ pháp. Trong tiếng Việt, các biến đổi cấu trúc từ thiên về biến đổi ngữ nghĩa có tính dụng pháp. Ở những tính từ được lặp lại như *bụi mù bụi mịt, bó láo bó lếu, chậm chạp chậm chạp, điên điên khùng khùng, khô không khốc, lạch bà lạch bạch,...* chúng ta thấy ngữ nghĩa rất đa dạng, có sắc thái cảm xúc và là công cụ tốt để miêu tả. Tất nhiên trong tiếng Việt không phải từ láy âm nào cũng là tính từ, chẳng hạn các kết cấu như: *điệp điệp trùng trùng, đông đà đông đánh, hỏn hà hỏn hển, kũu ca kũu kị,...* Đó là các từ láy âm cũng mô tả nhưng vị tất là tính từ. Nhưng tính từ được mở rộng cấu trúc là nhờ áp lực của loại kết cấu này, nhờ đó mà mở rộng được nghĩa, tăng cường ngôn ngữ ở trong câu, mở rộng chức năng cho tính từ. Đóng vai trò chính, biểu đạt nội hàm bao giờ cũng là một tính từ đơn tiết, có nghĩa, còn yếu tố ngoại diên thì phần lớn là tiếng đệm.

Trong dụng ngôn, chỉ người bản ngữ Việt mới hiểu được các tính từ có tiếng đệm như: cạnh từ *vắng* thế nào là *vắng ngắt*, thế nào là *vắng tanh*, thế nào là *vắng tèo*. Nếu phải phiên dịch tiếng Việt ra tiếng nước ngoài và ngược lại thì phân biệt nghĩa của những từ ghép này là rất khó. Thay vì nói “không nhiều” thì người Việt nói là: *Nhiều nhận gì cho cam*, đó vừa là lời giải thích, vừa là biện minh, vừa là phàn nàn. Ở đây tình thái và dụng pháp đan xen vào nhau. Về khía cạnh này, rõ nét hơn là với tính từ chỉ màu sắc và tình cảm, ví dụ *buồn*: *buồn thiu, buồn tẻ, buồn tênh,...* Thế nào là *buồn thiu*, thế nào là *buồn tẻ*, thế nào là *buồn tênh,...* nét khu biệt rất tinh tế. Khi đọc câu thơ *Sự đời nghĩ kĩ thật buồn tênh*, từ *buồn tênh* ở đây khác với *buồn thiu*. Theo đó, những kết cấu kiểu như *buồn tênh, buồn thiu* được ngữ pháp hoá và người Việt sử dụng nó theo kiểu lựa chọn trong một chùm biến thể. Dạng mở rộng tính từ gắn với ngữ cảnh, với người nói trên cơ sở các ý định nói đã được mã hoá trong cái nghĩa ngôn ngữ. Những tính từ kiểu như thế các nhà thơ thường sử dụng để diễn ý. Một khổ thơ “tiền chiến” có chất lãng mạn thì tính từ tổng hợp có tiếng đệm đã được sử dụng rất có hiệu quả.

Tiếng diều sáo nao nao trong vắt,

Trời cao cao xanh ngắt màu lơ.

Thuyền trôi, nước chảy lững lờ,

Hàng cây lặng đứng bên bờ trông mong.

Các yếu tố đã được mã hoá và mã hoá này đã được cộng đồng bản ngữ tri nhận như dấu ấn được quy ước. Âm điệu của kết cấu láy cho phép tính từ tham gia vào âm điệu của các câu thơ.

Về chức năng của tính từ tiếng Việt trong khi làm vị ngữ thì nhiều tác giả có nhận xét là nó giống như động từ, nhưng ta cần phân tích xem nó giống đến đâu và giống ở phương diện nào? Trên phương diện nghĩa thì tính từ chắc chắn khác với động từ. Tính từ chỉ ra cái đặc trưng của chính động từ (như *đi nhanh, hát hay, học giỏi*). Khi xuất hiện trong vị ngữ thì tính từ không chỉ đặc trưng miêu tả thông thường như khi làm định ngữ cho danh từ như *nhà cao, cửa rộng, sách hay*..., còn khi nói *nhà này cao, cửa này rộng, sách này hay*, thì *cao, rộng, hay* lúc đó được nhìn như những sự tình. Đã là sự tình thì người nói có thể nhận định (statement). Đã nhận định thì có tình thái, có quan hệ với ngữ cảnh và thậm chí có cả tiền giả định trong câu nữa. Chức năng định ngữ thì không như vậy. Tính từ khi làm định ngữ biểu đạt đặc trưng với tư cách là dán nhãn chứ không nhận định về sự tình. Vì vậy, các từ ghép tính từ khi làm vị ngữ, ở dạng có tiếng đệm, thì đôi khi có cả phụ ngữ, ví dụ: *Họ nương cá làm thom phức cả căn phòng*. *Cả căn phòng*, trong trường hợp này, là chủ tố, là thành phần gì của câu thì cũng phải suy tính. Đây là trường hợp có tính nước đôi, khi ở dạng mở rộng mà làm vị ngữ thì tính từ tổng hợp có khác với động từ vì nó phụ thuộc khá nhiều vào nhân tố giao tiếp, trong đó có ý định nhận xét của người nói. Tính từ tuy tham gia vào vị ngữ, nhưng nó không phải là bộ phận hay hoà hết vào khái niệm “vị ngữ”. Xét về phương diện từ loại thì tính từ bao giờ cũng là từ loại độc lập, nó liên hội với động từ tiếng Việt nhưng nó vẫn là hai trong không gian của một phạm trù từ vựng - ngữ pháp rộng hơn nhìn từ phương diện chức năng³. Vị từ là một không gian chức năng rộng để các từ loại (kể cả danh từ, đại từ) từ phương diện cú pháp có thể hoạt động được. Tính từ tiếng Việt chỉ hòa nhập với động từ trong chức năng vị ngữ trực tiếp của câu nhưng không hoà tan về bản chất từ loại. Kết cấu ghép của tính từ có tiếng đệm đã chỉ rõ hơn cho khía cạnh đó.

5. Kết luận

Từ những nhận xét trên đây chúng tôi muốn nhấn mạnh:

(1) Tiếng đệm nhìn từ một giao diện rộng hơn của ngữ pháp (bao hàm ngữ nghĩa, ngữ dụng) thì không đơn giản chỉ là yếu tố cấu tạo từ như ngữ pháp truyền thống (mà theo đó chúng chỉ là những hình vị tương tự như trong các ngôn ngữ biến tố).

(2) Tiếng đệm có giá trị ngữ nghĩa ngữ dụng vì chúng có giá trị tạo nghĩa (meaning) cho các từ ghép - hiện tượng chỉ có trong ngôn ngữ đơn lập.

(3) Tiếng đệm mang giá trị ngữ nghĩa, ngữ dụng cho từ ghép hoạt động trong lời nói cho nên tổ hợp của nó (từ ghép) có thể phân tích như một dạng cú pháp ở bậc dưới từ. Khả năng này thì ngữ pháp miêu tả luận đã có nói về hình vị nhưng xuất phát điểm lại từ nhận diện các kết hợp phân từ thuần túy hình thức.

(4) Tiếng đệm trong bài này chỉ tập trung vào việc “phụ nghĩa” cho yếu tố chính bên nó. Tiếng đệm một số trường hợp có nước đôi với khả năng từ hóa. Đó là một khía cạnh khác.

(5) Tiếng đệm, cũng với nội dung này (ngữ nghĩa, ngữ dụng) hoạt động trong các nhóm từ láy âm, từ mô phỏng và cũng rất đặc sắc.

(6) Nhìn rộng hơn, với tiếng Việt, ngữ pháp chức năng luận không hẳn chỉ dừng chân ở bình diện cú pháp câu. Nhìn từ phía “cú pháp nội bộ” của các từ loại (như thử phân tích ở trên) cũng có thể thấy sẽ có thể khai thác thêm những ý tưởng khả thi.

³ Cần giải thích hiện tượng này trong khuôn khổ từ loại ngôn ngữ đơn lập “phạm trù từ vựng - ngữ pháp”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 2005.
2. Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng - Từ ghép - Đoàn ngữ*, Nxb Đại học & Trung học chuyên nghiệp, 1975.
3. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở Ngữ dụng học*, Nxb Khoa học xã hội, 2003.
4. Trương Văn Chính - Nguyễn Hiến Lê, *Khảo luận về Ngữ pháp Việt Nam*, Nxb Viện Đại học Huế, 1963.
5. Lê Đông - Nguyễn Văn Hiệp, *Khái niệm Tình thái trong Ngôn ngữ học*, Ngôn ngữ, Số 7 & 8, 2003.
6. Đinh Văn Đức, *Ngữ pháp tiếng Việt: Từ loại*, Nxb Đại học & Trung học chuyên nghiệp, 1986.
7. Đinh Văn Đức, *Các bài giảng về Từ pháp học tiếng Việt: Từ loại nhìn từ bình diện Chức năng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
8. Đinh Văn Đức, *Ngữ pháp tiếng Việt: Từ loại I&II*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
9. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Đại học & Trung học chuyên nghiệp, 1985.
10. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt - Máy vấn đề Ngữ âm, Ngữ nghĩa, Ngữ pháp*, Nxb Giáo dục, 1999.
11. Trần Trọng Kim - Bùi Kỳ - Phạm Duy Khiêm, *Việt Nam văn phạm*, Sài Gòn, 1940 .
12. Đỗ Thị Kim Liên, *Ngữ nghĩa lời hội thoại*, Nxb Giáo dục, 1999.
13. Đỗ Thị Kim Liên, *Giáo trình ngữ dụng học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
14. Lyons John, *Ngữ nghĩa học Dẫn luận*, Nxb Hà Nội, 2006.
15. Đái Xuân Ninh, *Hoạt động của từ tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, 1978.
16. Vũ Đức Nghiệu, *Ngữ pháp lịch sử tiếng Việt - Từ và Ngữ đoạn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020
17. Phan Ngọc, *Hình thái học trong từ láy tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013.
18. Panfilov, V.S., *Cơ cấu ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 2008.
19. Nguyễn Phú Phong, *Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
20. Nguyễn Kim Thành, *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, 1963.
21. Bùi Đức Tịnh, *Văn phạm Việt Nam*, Phạm Văn Tươi, Sài Gòn, 1952.
22. Hoàng Tuệ, Lê Cận, Cù Đình Tú, *Giáo trình về Việt ngữ*, Nxb Đại học Sư phạm, 1962.
23. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, 1983.
24. Yule G., *Dụng học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.

Tiếng nước ngoài

25. Buxtrov I.X., Nguyễn Tài Cẩn, Xtankevich N.V., *Ngữ pháp tiếng Việt*, LGU press, Peterbourg, 1975. (Tiếng Nga)
26. Kholodovich A.A., *Những vấn đề lí thuyết ngữ pháp*, Nxb Nauka, L, 1979. (Tiếng Nga).
27. Le Van Ly, *Le parler vietnamien*, Hương Anh Paris, 1948. Bản viết tiếng Việt của Bùi Khánh Thế, 1967.